

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày 05 tháng 04 năm 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Danh On**

2. Ông **Lại Thiện Phong**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 213/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Ông **Từ Hoàng D**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng, ông Từ Hoàng D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phan Thị H trình bày:

Bà Phan Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Từ Hoàng D (tên gọi khác: Từ Văn S) phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn S số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07/09/2021 âm lịch cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Nguyên trước đây vào ngày 07/09/2021 âm lịch (*nhằm ngày 30/10/2021 dương lịch*) ông Từ Hoàng D có hỏi vay của bà H số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất là 4 phân/tháng (lãi suất 4%/tháng), hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể. Từ khi ông D vay của bà H số tiền nêu trên đến nay ông D chỉ đóng lãi cho bà H được 03 tháng (cụ thể là đóng lãi được tháng 10, tháng 11 và tháng 12 năm 2021 âm lịch tương đương tổng số tiền lãi mà bà H đã nhận từ ông D là 6.000.000 đồng). Từ đó đến nay ông D không có trả thêm cho bà H được số tiền lãi nào và cũng không có trả bà H được số tiền vay gốc nào. Việc bà H cho ông D vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng với lãi suất là 4%/tháng ông D ký biên nhận đề ngày 07/09/2021 âm lịch với bà Hiệu. Bà H cũng xác định bà H đưa số tiền 50.000.000 đồng cho ông D một lần duy nhất vào ngày làm biên nhận nêu trên, khi đưa tiền thì đưa tại nhà bà H, có chồng bà H là ông Nguyễn Văn S và vợ chồng người cháu ruột của bà H là chị Nguyễn Anh T, anh Trần Văn L chứng kiến. Số tiền 50.000.000 đồng mà bà H cho ông D vay nêu trên là tài sản chung của vợ chồng bà H, ông S. Bà H không yêu cầu vợ ông D phải cùng có trách nhiệm trả số nợ nêu trên cho vợ chồng bà H, ông S. Ngoài ra bà H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn là ông Từ Hoàng D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có xuống địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với ông Từ Hoàng D tuy nhiên ông D không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết ông Từ Hoàng D hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng ông D vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và trong một năm thì ông D có về địa phương một vài lần nhưng không biết chính xác khi nào ông D về. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông S là chồng của bà Phan Thị H. Ông S thống nhất với lời trình bày của vợ bà Phan Thị H trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với lời khai của chị Nguyễn Anh T tại biên bản xác minh ngày 23/01/2024, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H. Buộc ông Từ Hoàng D có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Phan Thị D, ông Nguyễn Văn S tổng số tiền là 68.274.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng là nợ vay gốc và 18.274.000 đồng là tiền lãi). Ngoài ra ông D còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Từ Hoàng D phải trả cho vợ chồng bà H số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền này nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Từ Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H yêu cầu ông Từ Hoàng D phải trả cho vợ chồng bà H, ông S số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật đối với số tiền này kể từ ngày 07/09/2021 âm lịch cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Phan Thị H có cung cấp cho Tòa án biên nhận đề ngày 07/09/2021 âm lịch mà bà H xác định là do ông Từ Hoàng D ký tên thừa nhận có vay bà H số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 4 phân/tháng (lãi suất 4%/tháng) (Bút lục số 24).

Qua xem xét biên nhận nêu trên đối chiếu với lời khai của vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn S trong quá trình giải quyết vụ án với lời khai của chị Nguyễn Anh T tại biên bản xác minh ngày 23/01/2024 (Bút lục số 29), có cơ sở để nhận định vào ngày 07/09/2021 âm lịch ông Từ Hoàng D có vay của bà Phan Thị H số tiền gốc là 50.000.000 đồng với lãi suất là 4 phân/tháng (lãi suất 4%/tháng) đồng thời sau khi vay tiền của bà H thì ông D không có trả cho bà H được số tiền vay gốc nào nên việc bà H yêu cầu ông Từ Hoàng D phải trả cho vợ chồng bà H, ông S số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H có trình bày sau khi vay tiền của bà H thì ông D có đóng lãi cho bà H được 03 tháng (cụ thể là đóng lãi của tháng 10, tháng 11 và tháng 12 năm 2021 âm lịch) với tổng số tiền lãi mà bà H đã nhận là 6.000.000 đồng.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. ...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”.

Đối chiếu lãi suất thỏa thuận cho vay đối với khoản vay nêu trên giữa bà H với ông D, Hội đồng xét xử thấy rằng mức lãi suất mà các bên thỏa thuận 4%/tháng (tương đương 48%/năm) đã vượt quá lãi suất tối đa mà pháp luật cho phép là 20%/năm. Như vậy phần lãi suất thỏa thuận vượt quy định sẽ không có hiệu lực.

Như vậy, số tiền lãi theo quy định của pháp luật mà ông D phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà H, ông S đối với khoản vay nêu trên tính từ ngày 07/09/2021 âm lịch (nhằm ngày 30/10/2021 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử vụ án (ngày 05/04/2024) sẽ được tính như sau: $(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm) \times (02 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 06 \text{ ngày}) = (10.000.000 \text{ đồng}/năm) \times 886 \text{ ngày} = 24.273.972 \text{ đồng}$, làm tròn là 24.274.000 đồng.

Đối trừ số tiền lãi 6.000.000 đồng mà ông D đã đóng lãi cho bà H với số tiền lãi nêu trên thì ông D còn phải tiếp tục trả cho vợ chồng bà H, ông S số tiền lãi là 18.274.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án phía vợ chồng bà H, ông S có ý kiến không yêu cầu vợ của ông D cùng có trách nhiệm với ông D trả nợ cho vợ chồng bà H, ông S. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của vợ chồng bà H, ông S nên cần được ghi nhận.

Từ những nội dung nêu trên, cần buộc ông Từ Hoàng D có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn S tổng số tiền là 68.274.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng là nợ vay gốc và 18.274.000 đồng là tiền lãi).

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Ông Từ Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn S là 3.413.700 đồng ($68.274.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.413.700 \text{ đồng}$).

Bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H đối với bị đơn ông Từ Hoàng D.

Buộc ông Từ Hoàng D có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn S tổng số tiền là 68.274.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng là nợ vay gốc và 18.274.000 đồng là tiền lãi).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Từ Hoàng D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 3.413.700 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh